

PHÂN TÍCH VÀ CẢM NHẬN BÀI THƠ “NHÀN” CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM

1. Dàn ý phân tích bài thơ "Nhàn" của Nguyễn Bình Khiêm

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Bình Khiêm và tập thơ Bạch Vân quốc ngữ thi tập: Nguyễn Bình Khiêm là nhà thơ lớn nhất Việt Nam thế kỉ XVI với những sáng tác ghi dấu mốc lớn trên con đường phát triển lịch sử văn học. Bạch vân quốc ngữ thi tập là tập thơ Nôm nổi tiếng của ông.

- Giới thiệu bài thơ Nhàn (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, nội dung): là bài thơ Nôm số 73 trong tập Bạch vân quốc ngữ thi tập, làm khi tác giả cáo quan về ở ẩn, nói về cuộc sống thanh nhàn nơi thôn dã và triết lí sống của tác giả.

b. Thân bài:

- Hai câu đề: Hoàn cảnh sống của Nguyễn Bình Khiêm:

+ Mai, quốc, cần câu: Là những dụng cụ lao động cần thiết, quen thuộc của người nông dân.

+ Phép liệt kê kết hợp với số từ “một”: Gợi hình ảnh người nông dân đang điếm lại công cụ làm việc của mình và mọi thứ đã sẵn sàng.

+ Nhịp thơ 2-2-3 thông thả đều đặn

-> Cuộc sống ở quê nhà của Nguyễn Bình Khiêm gắn bó với công việc nặng nhọc, vất vả, lam lũ của một lão canh điền. Nhưng tác giả rất yêu và tự hào về thú vui điền viên ấy.

+ Trạng thái “thơ thẩn”: chăm chú vào công việc, cần mẫn.

-> Tâm trạng hài lòng, vui vẻ cùng trạng thái ung dung, tự tại của nhà thơ.

+ Cụm từ phủ định “dầu ai vui thú nào”: Phủ nhận những thú vui mà người đời thường hay theo đuổi.

=> Hai câu thơ khái quát hoàn cảnh sống của Nguyễn Bình Khiêm ở quê nhà vất vả, lam lũ, mệt nhọc nhưng tâm hồn lúc nào cũng thư thái, thanh thản. Tâm thế ung dung, tự tại, triết lí sống nhàn của ẩn sĩ “nhàn tâm”.

- Hai câu thực: Quan niệm sống của Nguyễn Bình Khiêm:

+ Nghệ thuật đối: ta – người, dại – khôn: Nhấn mạnh quan niệm sống mang tính triết lí, thâm trầm của nhà thơ.

+ Nghệ thuật ẩn dụ:

- “Nơi vắng vẻ”: Tượng trưng cho chốn yên tĩnh, thưa người, nhịp sống yên bình, êm ả. Ở đây ngụ ý chỉ chốn quê nhà.
- “Chốn lao xao”: Tượng trưng cho chốn ồn ào, đông đúc huyên náo, tấp nập, cuộc sống xô bồ, bon chen, giành giật, đố kị. Ở đây chỉ chốn quan trường.

+ Cách nói ngược: Ta dại – người khôn:

- Ban đầu có vẻ hợp lí vì ở chốn quan trường mới đem lại cho con người tiền tài danh vọng, còn ở thôn dã cuộc sống vất vả, cực khổ.
- Tuy nhiên, “dại” thực chất là khôn bởi ở nơi quê mùa con người mới được sống an nhiên, thanh thản. Khôn thực chất là dại bởi chốn quan trường con người không được sống là chính mình.

=> Thể hiện quan niệm sống “lánh đục về trong” của Nguyễn Bình Khiêm. Thái độ tự tin vào sự lựa chọn của bản thân và hóm hỉnh mỉa mai quan niệm sống bon chen của thiên hạ.

- Hai câu luận: Cuộc sống của Nguyễn Bình Khiêm ở chốn quê nhà:

+ Sự xuất hiện của bốn mùa: Xuân, hạ, thu, đông.

+ Cuộc sống gắn bó, hài hòa với tự nhiên của Nguyễn Bình Khiêm.

+ Việc ăn uống: Thu ăn măng trúc, đông ăn giá.

+ Là những món ăn thôn quê dân dã, giản dị thanh đạm và có nguồn gốc tự nhiên, tự cung tự cấp.

+ Chuyện sinh hoạt: Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.

+ Thói quen sinh hoạt tự nhiên, thoải mái, có sự giao hòa, quán quýt giữa con người với thiên nhiên.

+ Cách ngắt nhịp 4/3 nhịp nhàng, kết hợp với cách điệp cấu trúc câu.

-> Gợi sự tuần hoàn, nhịp nhàng thư thái, thông thả.

=> Hai câu thơ miêu tả bức tranh bốn mùa có cả cảnh đẹp, cả cảnh sinh hoạt của con người. Sự hài lòng về cuộc sống đạm bạc, giản dị, hòa hợp với tự thiên mà vẫn thanh cao, tự do thoải mái của Nguyễn Bình Khiêm.

- Hai câu kết: Triết lí sống nhàn:

+ Sử dụng điển tích giấc mộng đêm hòe: Cõi phú quý tựa như một giấc chiêm bao -> Thể hiện sự tự thức tỉnh, tự cảnh tỉnh mình và đời, khuyên mọi người nên xem nhẹ vinh hoa phù phiếm.

+ Động từ “nhìn xem”: Tô đậm thể đứng cao hơn người đầy tự tin của Nguyễn Bình Khiêm.

-> Triết lí sống Nhàn: Biết từ bỏ những thứ vinh hoa phù phiếm vì đó chỉ là một giấc mộng, khi con người nhắm mắt xuôi tay mọi thứ trở nên vô nghĩa, chỉ có tâm hồn, nhân cách mới tồn tại mãi mãi.

=> Thể hiện vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm: Cõi kinh danh lợi, cốt cách thanh cao, tâm hồn trong sáng.

- Nghệ thuật chung:

+ Ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, dễ cảm.

+ Cách kể, tả tự nhiên, gần gũi.

+ Các biện pháp tu từ: Liệt kê, đối lập, điển tích điển cố.

+ Nhịp thơ chậm, nhẹ nhàng, hóm hỉnh.

c. Kết bài

- Khái quát nội dung và nghệ thuật của bài thơ Nhàn.

- Thể hiện những cảm nhận của mình về bài thơ: Là bài thơ hay, giàu ý nghĩa.

2. Phân tích bài thơ "Nhàn" của Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Bình Khiêm là nhà thơ gắn với lối sống giản dị mà thanh cao. Ông không bon chen chốn quan trường. "Nhàn" là bài thơ Nôm nằm trong tập "Bạch Vân quốc ngữ thi" như điển tả quan niệm sống giản dị đó của ông. Nhan đề bài thơ là do người đời sau đặt. Bài thơ như

lời tâm sự thâm trầm, sâu sắc, khẳng định quan niệm sống nhàn là hòa hợp với tự nhiên, giữ được cốt cách thanh cao, khí tiết cương trực, vượt lên trên những danh lợi tầm thường.

Hai câu thơ đầu phản ánh cuộc sống nhàn nhã, ung dung của Nguyễn Bình Khiêm:

*"Một mai, một cuốc, một cần câu,
Thơ thần dầu ai vui thú nào"*

Hai câu thơ đầu chúng ta thấy hiện lên một con người với cuộc sống vô cùng giản dị. Quan Trạng về sống giữa chốn thôn quê nay đã giống như một "lão nông tri điền", hằng ngày làm bạn với những công cụ lao động như mai để đào đất, cuốc để xới đất, cần câu để câu cá. Cách dùng số từ tính đếm rành rọt cho thấy tất cả đã trở nên gần gũi, quen thuộc trong cuộc sống của ông.

Hình ảnh Nguyễn Bình Khiêm hiện lên là một lão nông an nhàn, thanh thoi với thú vui tao nhã là câu cá và làm vườn. Đây có thể nói là cuộc sống đáng mơ ước của rất nhiều người ở thời kỳ phòng kiến ngày xưa nhưng không phải ai cũng có thể dứt bỏ được chốn quan trường về với đồng quê như thế này. Động từ "thơ thần" ở câu thơ thứ hai đã tạo nên nhịp điệu khoan thai, êm ái cho người đọc. Dù ngoài kia người ta vui vẻ nơi chốn đông người thì Nguyễn Bình Khiêm vẫn mặc kệ, vẫn bỏ mặc để "an phận" với cuộc sống của mình hiện tại. Cuộc sống của ông khiến nhiều người ngưỡng mộ.

Nhà thơ không màng danh vọng chốn quan trường và ông quyết lui về quê ở ẩn. Nguyễn Bình Khiêm cáo quan, trở về quê nhà tức là trở về với thiên nhiên. Sống hòa hợp với thiên nhiên có nghĩa là đã thoát khỏi vòng tranh đua của thói tục, không còn bị cuốn hút bởi tiền tài, địa vị, để tâm hồn được an nhiên, khoáng đạt:

*"Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn, người đến chốn lao xao"*

Nhân cách thanh cao Nguyễn Bình Khiêm đối lập với danh lợi như nước với lửa. Vắng vẻ đối lập với lao xao, ta đối lập với người. Tìm nơi vắng vẻ không phải là lánh đời mà là tìm nơi mình thích thú, được sống thoải mái, an nhiên, khác xa chốn quan trường hiểm hóc vinh liền nhục. Nơi vắng vẻ là nơi không có chuyện cầu cạnh, bon chen. Nơi vắng vẻ là nơi thiên nhiên tươi xanh, mang lại sự thanh thoi cho tâm hồn. Chốn lao xao là chốn cửa quyền trống giông cờ mờ, là đường hoạn lộ tấp nập ngựa xe. Đến chốn lao xao là đến chốn chợ lợi đường danh huyên náo, nơi con người chen chúc xô đẩy, giẫm đạp lên nhau để giành giật quyền lợi, để vinh thân. Đây là nơi có nhiều nguy hiểm khôn lường.

Cuộc sống của bậc đại nhân ở am Bạch Vân đạm bạc mà thanh cao biết mấy:

*"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao"*

Hai câu thơ tả cảnh sinh hoạt giản dị mà không kém phần thú vị nơi thôn dã với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Nhà thơ nói về chuyện sinh hoạt hằng ngày như chuyện ăn, chuyện tắm, tuy cực kì đơn sơ nhưng thích thú ở chỗ mùa nào cũng sẵn, chẳng phải nhọc công tìm kiếm về mặt tinh thần, cuộc sống giản dị như thế cho phép con người được tự do, tự tại, không cần phải luồn cúi, cầu cạnh kẻ khác, không cần phải theo đuổi công danh, phú quý, không bị gò bó, ràng buộc vào bất cứ khuôn phép nào.

Những thức ăn quê mùa, dân dã như măng trúc, giá đều là cây nhà lá vườn, do mình tự làm ra, là công sức của chính mình. Ăn đã vậy, còn ở, còn sinh hoạt? Quan Trạng giờ đây cũng tắm hồ sen, tắm áo như bao người dân quê khác.

Đến hai câu thơ kết dường như đúc kết được tinh thần, cốt cách cũng như suy nghĩ của Nguyễn Bình Khiêm:

*"Rượu đến cội cây ta sẽ uống
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao"*

Hai câu thơ này chính là những quan niệm sống mà Nguyễn Bình Khiêm muốn gửi gắm đến bạn đọc. Đối với một con người tài hoa, có trí tuệ lớn như thế này thì thực sự phú quý không hề là giấc chiêm bao. Ông từng đỗ Trạng nguyên thì tiền bạc, của cải đối với ông thực ra mà nói không hề thiếu nhưng đó lại không phải là điều ông nghĩ đến và tham vọng. Với ông phú quý chỉ "tựa chiêm bao", như một giấc mơ, khi tỉnh dậy thì sẽ tan, sẽ hết mà thôi. Có thể xem đây chính là cách nhìn nhận sâu sắc, đầy triết lý nhất. Với một con người thanh tao và ưa sống an nhàn thì phú quý chỉ như hư vô mà thôi, ông yêu nước nhưng yêu theo một cách thảnh thơi nhất. Cách so sánh độc đáo đã mang đến cho hai câu kết một tứ thơ hoàn hảo nhất.

Với bài thơ "Nhàn" Nguyễn Bình Khiêm đã mang đến cho người đọc những bài học đầy ý nghĩa. Khép lại bài thơ, người đọc vẫn còn vương vấn cuộc sống an nhàn, thanh tao, giản dị mà Nguyễn Bình Khiêm coi đó là cách sống, là triết lý sống sâu sắc: vinh hoa phú quý chỉ là phù du, như một giấc mộng, rời xa chốn hư danh phàm tục đó để giữ khí tiết thanh sạch mới là bậc đại trí. Điều đó đã làm nên sức sống trường tồn bất diệt của tác phẩm trước sức mạnh của dòng thời gian và đời người.

3. Cảm nhận bài thơ "Nhàn" của Nguyễn Bình Khiêm

Bài "Nhàn" trong Bạch vân quốc ngữ thi thuộc về chủ đề triết lý xã hội, mà tập trung nhất là triết lý "Nhàn" có người đã từng cho rằng tư tưởng Nhàn, triết lý "Nhàn" là một chủ đề lớn trong thơ Nguyễn Bình Khiêm nói chung và Bạch vân quốc ngữ thi nói riêng. "Nhàn" với Nguyễn Bình Khiêm không phải là một cứu cánh mà là một phương thức tư duy một triết lý. Cho nên "Nhàn" là khái niệm chứ không phải là tâm trạng.

*"Một mai, một cuốc, một cần câu
Thơ thần dầu ai vui thú nào"*

Nguyễn Bình Khiêm đã tái hiện hai câu thơ đầu tiên với lối sống nhàn hạ, không quan tâm đến danh lợi tầm thường, nhà thơ sử dụng liên tiếp số từ một nhằm mục đích nhấn mạnh hoàn cảnh sống của ông khi cáo quan về quê. Với những dụng cụ quen thuộc, một mai, một cuốc, một cần câu và có thể là cả một con người, một cuộc đời ở đó. Số từ một biểu hiện sự cô đơn, một mình của Nguyễn Bình Khiêm chốn quê nghèo, ông làm bạn cùng với những vật dụng quen thuộc của nhà nông là mai đào đất, xắn đất, cuốc lật đất, đi kèm phía sau là một cần câu để nhằm chỉ ra rằng sau những lúc làm lụng vất vả, ông vẫn giữ được các thú chơi tao nhã, thanh đạm của người Việt Nam đó là đi câu cá. Số từ một thể hiện sự cô đơn, trong một câu thơ nhà thơ đã sử dụng tới ba số từ một nhằm nhấn mạnh sự cô đơn, trống vắng của một con người mang đầy chí lớn đang phải sống cuộc đời ẩn dật. Nhưng đứng sau ba số từ một cũng lại là một loạt các danh từ mai, cuốc, cần câu, chắc gì sau ba từ một đứng trước... không có một từ một đứng sau. Chắc gì sau ba danh từ đó không có thêm một danh từ ẩn sau đó. Đó là một cuộc đời, một con người chính các công việc của nhà nông ấy, tuy vất vả nhưng lại rất ấm áp và gần gũi. Để rồi chỉ có gần gũi, vui bên thú chơi câu cá tao nhã, thanh đạm mới làm cho nhân vật trữ tình của chúng ta phải thơ thần mà không cần bận tâm đến người khác nói gì, nghĩ gì, làm gì. Chỉ cần những điều khiến ta được vui vẻ, được hoà hợp được.

"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao"

Hai câu thơ tiếp theo nhà thơ tái hiện những thức ăn vô cùng thanh đạm, không xa hoa, cầu kì cùng với một không gian sinh hoạt đều rất bình dị, đơn sơ với “măng trúc”, “giá” là những món ăn dân dã sẵn có trong tự nhiên; “ao”, “hồ” là những bến nước thôn quê đơn sơ và bình dị. Đó là sự thể hiện một lối sống, một thái độ xử thế cầu nhân không hề kham khổ mà trái lại nó toát lên vẻ thanh cao của nhân vật trữ tình. Con người giờ đây đã hòa hợp với thiên nhiên bốn mùa, với sự luân chuyển luân chuyển của thời gian và không thể tách khỏi thiên nhiên.

Như vậy, với Nguyễn Bình Khiêm, nhân trước hết là một cách sống. Cùng với “Cảnh ngày hè” của Nguyễn Trãi, ông đã khẳng định một lối sống thanh tao của các bậc hiền tài giữa cảnh đất nước suy tàn, loạn lạc: rời xa cõi trần phàm tục để tìm về với thiên nhiên, sống một cuộc sống giản dị, thuần phác để giữ tâm hồn được thư thái, thanh sạch.

"Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn người đến chốn lao xao"

Hai câu thơ này chính là những quan niệm sống vô cùng ý nghĩa của Nguyễn Bình Khiêm. Đây có thể xem là tuyên ngôn sống của Nguyễn Bình Khiêm những năm tháng sau khi cáo quan về ở ẩn. Ông tự nhận mình “dại” khi tìm nơi vắng vẻ đến sống, nhưng đây là cái “dại” khiến nhiều người ghen tị và ngưỡng mộ. Ông rất khéo léo trong việc dùng từ ngữ độc đáo, lột tả được hết phong thái của ông. Ông bảo rằng những người chọn chốn quan trường là những người “khôn”. Một cách khen rất tinh tế, khen mà chê, cũng có thể là khen mình và chê người. Tứ thơ ở hai câu này hoàn toàn đối lập nhau từ ngôn ngữ đến dụng ý “dại” – “khôn”, “vắng vẻ” – “lao xao”. Nguyễn Bình Khiêm tìm về nơi vắng vẻ để ở có phải là trốn tránh trách nhiệm với nước hay không? Với thời thế như vậy giờ và với cốt cách của ông thì “nơi vắng vẻ” mới thực sự là nơi để ông sống đến suốt cuộc đời. Một cốt cách thanh cao, một tâm hồn đáng ngưỡng mộ.

"Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao"

Thi nhân đã nhắc đến giấc mộng dưới cây hòe của Thuần Vu Phần để thức tỉnh một chân lí: của cái, vật chất chỉ là ảo mộng, như một giấc chiêm chiêm bao, bắt chợt đến rồi lại bắt chợt đi. Phải trải qua tất cả cảnh đời, trường đời như thế rồi Nguyễn Bình Khiêm mới đạt tới thế ứng xử văn hóa mang tinh thần triết lí về nhân dật và tự tại. Một tinh thần nhân dật và tự tại như thế nhiều khi biểu lộ cách nói hơn là hành động thực, một giải pháp tình thế hơn là chí hướng cả đời người, một sự độc tôn tâm trạng bất đắc dĩ hơn là khả năng tìm ra lối thoát tối ưu. Bởi xét đến cùng, giữa một xã hội đâu đâu cũng là hư danh, phú quý phù du, mấy ai được như Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Trãi để nhìn thấy lẽ đời, sự đời, để gìn giữ khí tiết thanh tao. Nhân vật trữ tình đã tìm đến cái say để tỉnh, dùng mộng để nói thực và thốt lên những chiêm nghiệm sâu sắc. Cũng như chính thi nhân đã bày tỏ rõ ràng trong Bài tựa tập thơ Am Bạch Vân: “Ồi, nói tâm là nói về cái chỗ mà chí đạt tới vậy, mà thơ lại là đề nói chí. Có kẻ chí để ở đạo đức, có kẻ chí để ở công danh, có kẻ chí để ở sự nhân dật. Tôi lúc nhỏ chịu sự dạy dỗ của gia đình, lớn lên bước vào giới sĩ phu, lúc về già chí thích nhân dật, lấy cảnh núi non sông nước làm vui...”.

Toàn bộ bài thơ nhân là một lời tâm sự thâm trầm, sâu sắc, khẳng định quan niệm sống nhân là hoà hợp với tự nhiên, giữ cốt cách thanh cao, vượt lên trên danh lợi. Nhân là triết lí sống chi phối nhiều sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm. Tuy có lúc nó có mang yếu tố tiêu cực nhưng nó lại là triết lí sống giúp con người ta sống đẹp hơn, đúng hơn với đời.